

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban cán sự Đảng Bộ NN và PTNT đã ban hành Nghị quyết số 418/NQ-BCSD ngày 22/12/2017 chỉ đạo thực hiện NQ120; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Kế hoạch hành động số 816/QĐ-BNN-KH ngày 7/3/2018, Quyết định số 1864/QĐ-BNN-KH ngày 22/5/2019 thay thế Quyết định số 816 phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 120. Kế hoạch hành động của Bộ xác định 7 nhóm nhiệm vụ và giải pháp chính và phân công cụ thể cho các đơn vị chủ trì, bao gồm: (1) Rà soát, hoàn thiện và bổ sung hệ thống cơ chế, chính sách; (2) Cập nhật và hệ thống hóa số liệu, dữ liệu liên ngành, tăng cường điều tra cơ bản; (3) Xây dựng quy hoạch và tổ chức không gian lãnh thổ; (4) Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý thích ứng với biến đổi khí hậu; (5) Đầu tư và phát triển hạ tầng; (6) Nghiên cứu, chọn tạo các giống nông nghiệp có chất lượng cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; (7) Phát triển và huy động nguồn lực.

Thời gian qua, Bộ Nông nghiệp và PTNT ưu tiên tập trung tổ chức triển khai 4 lĩnh vực then chốt: (1) Xây dựng Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với xây dựng nông thôn mới vùng ĐBSCL; (2) Phát triển thủy lợi vùng ĐBSCL; (3) Phòng, chống xói lở bờ sông, bờ biển, phòng chống thiên tai; (4) Nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu của vùng.

Đến thời điểm hiện nay, hầu hết các nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ đã cơ bản hoàn thành; một số hoạt động mang tính chất thường xuyên thì các đơn vị đang tiếp tục triển khai. Kết quả chủ yếu đạt được như sau:

1. Xây dựng Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với xây dựng nông thôn mới vùng ĐBSCL

Bộ đã tổ chức xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 324/QĐ-TTg ngày 02/3/2020 về Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với BĐKH vùng ĐBSCL. Để triển khai thực hiện Chương trình, Bộ ban hành Kế hoạch hành động kèm theo Quyết định số 2025/QĐ-BNN-KH ngày 4/6/2020. Bộ đã tổ chức giới thiệu Chương trình tổng thể và Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 324/QĐ-TTg tại Hội nghị tổng kết công tác hạn mặn năm 2019-2020 vào ngày 20/6/2020 ở Long An. Hiện nay, các đơn vị được giao đang tích cực tổ chức thực hiện.

2. Phát triển thủy lợi vùng Đồng bằng sông Cửu Long

Phát triển thủy lợi vùng ĐBSCL bao gồm xây dựng quy hoạch thủy lợi vùng

ĐBSCL và Đề án Hiện đại hóa thủy lợi vùng ĐBSCL.

- Kết quả đã thực hiện Quy hoạch thủy lợi vùng ĐBSCL sẽ được tích hợp vào Quy hoạch Thủy lợi và Phòng chống thiên tai đang được triển khai thực hiện.

- Đề án Hiện đại hóa Thủy lợi vùng ĐBSCL: Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án tại Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 12/5/2020. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Quyết định số 2314/QĐ-BNN-TL ngày 22/6/2020 phân giao nhiệm vụ thực hiện Đề án. Hiện nay, Bộ giao Tổng cục Thủy lợi triển khai một số nội dung trong Đề án như : (i) Tổ chức thực hiện hằng năm các nhiệm vụ về quan trắc, dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nước tại các tiêu vùng sinh thái; giám sát, dự báo chất lượng nước trong các hệ thống công trình thủy lợi; (ii) Chuẩn bị thực hiện khảo sát, đánh giá hiện trạng các hệ thống công trình thủy lợi; (iii) Hoàn thiện cơ sở dữ liệu, xây dựng bản đồ trực tuyến; (iv) Rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành các hệ thống công trình thủy lợi Nam Măng Thít, Quản Lộ Phụng Hiệp và Cái Lớn Cái Bé.

3. Phòng chống xói lở bờ sông, bờ biển; phòng chống thiên tai

a) Nhiệm vụ xây dựng Đề án phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã trình Đề án phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 và được Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt tại Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 6/7/2020. Ngày 28/7/2020 Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có văn bản số 4986/BNN-PCTT hướng dẫn và đôn đốc các địa phương thực hiện Đề án, trong đó có các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL.

b) Nhiệm vụ đầu tư các dự án cấp bách nhằm khắc phục sạt lở; xử lý các khu vực sạt lở có ảnh hưởng trực tiếp và nghiêm trọng đến khu dân cư tập trung, công trình hạ tầng thiết yếu.

Từ năm 2018 đến nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các Bộ, ngành trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội hỗ trợ các tỉnh vùng ĐBSCL 6.622 tỷ đồng từ các nguồn vốn ngân sách Trung ương, hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) để xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển, góp phần ổn định dân sinh, vùng ven sông, ven biển, cụ thể:

- Từ nguồn Dự phòng ngân sách Trung ương năm 2018: 1.790 tỷ đồng để xử lý 32,8 km.

- Từ nguồn Dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 (10 nghìn tỷ đồng từ việc điều chỉnh giảm nguồn vốn dự kiến bố trí cho các dự án quan trọng quốc gia): 1.628 tỷ đồng để xử lý 34,3 km.

- Từ nguồn Dự phòng ngân sách Trung ương năm 2019: 1.250 tỷ đồng để xử lý 27,3 km.

- Từ nguồn Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA): 1.954 tỷ đồng để xử lý 62,5 km.

Ngoài ra, hiện nay Bộ Nông nghiệp và PTNT đang phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ 2.000 tỷ đồng từ nguồn vốn IDA hủy của Ngân hàng thế giới (WB) hỗ trợ các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long xử lý cấp bách các khu vực sạt lở bờ sông, bờ biển.

Theo báo cáo từ các địa phương, hiện nay cần tiếp tục xử lý 76 điểm sạt lở bờ sông, bờ biển với chiều dài 140km, tổng mức đầu tư khoảng 8.143 tỷ đồng.

c) Cập nhật và hệ thống hóa số liệu về sạt lở bờ sông, bờ biển; phòng chống thiên tai, cụ thể:

- Đang tổ chức thực hiện việc Điều tra đánh giá hiện trạng và khắc phục sạt lở bờ sông, bờ biển vùng đồng bằng sông Cửu Long; hiện trạng dân cư tại những khu vực có nguy cơ sạt lở trên các tuyến sông chính thuộc hệ thống sông Tiền, sông Hậu; điều tra xây dựng cơ sở dữ liệu hiện trạng hệ thống đê bao, bờ bao vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

- Tiếp tục tổ chức xây dựng, cập nhật Bản đồ WebGis sạt lở bờ sông, bờ biển vùng ĐBSCL. Hiện đã được tích hợp vào hệ thống thông tin báo cáo quốc gia phục vụ điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

d) Tuyên truyền việc triển khai Nghị quyết số 120/NQ-CP lĩnh vực phòng chống thiên tai, cụ thể:

- Phổ biến phim “Tình hình sạt lở khu vực ven biển và vai trò rừng ngập mặn, bảo vệ bãi ngập trong công tác phòng chống thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu khu vực Đồng bằng sông Cửu Long”.

- Xây dựng tài liệu “Nâng cao nhận thức cộng đồng về phát triển rừng ngập mặn, bảo vệ bãi tại một số tỉnh đồng bằng Sông Cửu Long”; 05 radio spot, 1.500 quyển vở ô ly tuyên truyền về phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn cho đối tượng trẻ em và nhiều bài báo nâng cao nhận thức cộng đồng về trồng và bảo vệ rừng ngập mặn, bãi ngập, chia sẻ các giải pháp, mô hình quản lý, bảo vệ rừng, bãi ngập mặn có hiệu quả để nhân rộng.

4. Nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng, vật nuôi thủy sản chủ lực thích ứng với Biến đổi khí hậu vùng ĐBSCL

- Thời gian qua, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tập trung chỉ đạo các Viện nghiên cứu và chọn tạo nhiều giống cây trồng, vật nuôi và thủy sản có giá trị kinh tế, chất lượng cao, thích ứng với BĐKH phục vụ sản xuất nông nghiệp vùng ĐBSCL như: măng cụt, bưởi, cam, xoài, tôm sú, tôm thẻ chân trắng sạch bệnh, cá tra với tổng kinh phí khoảng 200 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Lúa gạo: Tổng diện tích gieo trồng lúa vùng ĐBSCL là 4,19 triệu ha, chiếm 54,3% diện tích cả nước. Hiện nay, diện tích sử dụng giống lúa xác nhận mới chiếm 65%; dự kiến đến năm 2020 tỷ lệ này tăng trên 75%; năm 2025 đạt 90% và năm 2030 đạt 100%. Từ năm 2000 đến nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển

nông thôn đã công nhận tỷ lệ sử dụng giống lúa cấp xác nhận và tương đương xấp xỉ 70% (trong đó giống cấp xác nhận do các công ty, trung tâm giống cung cấp khoảng 75%, hệ thống nhân giống nông hộ, trao đổi khoảng 25%).

- Cây ăn quả: ĐBSCL hiện có khoảng 335,4 ngàn ha cây ăn quả, chiếm 36,3% diện tích cả nước, gồm các cây trồng chủ yếu như: thanh long, xoài, cam, bưởi, chôm chôm, nhãn, sầu riêng, dứa..., nhiều giống cây ăn quả khẳng định được năng suất, chất lượng cao, thích ứng với điều kiện vùng ĐBSCL đã được đưa vào sản xuất, nâng cao giá trị và kim ngạch xuất khẩu. Tuy nhiên, số lượng cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng còn rất ít, chưa đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất giống đại trà. Cả nước hiện nay mới công nhận 30 giống cây ăn quả chính thức (cam DT2001, nhãn muện HTM-2, cam chín sớm CS1, thanh long ruột đỏ TL4, cam chín sớm CS1, bơ TA1, dứa MD2..) và 38 giống cho sản xuất thử (dứa H180, ổi Thanh Hà-1, dứa lai LĐ13, táo 05...). Các giống thanh long LĐ1, LĐ5 do Việt Nam chọn tạo chiếm 16.500 ha, khoảng trên 40% diện tích trồng thanh long cả nước. Giống nhãn xuống cơm vàng là giống chủ lực kháng chổi rồng, chiếm 12% diện tích gieo trồng nhãn.

Năm 2019, Viện cây ăn quả miền Nam công nhận 2 giống thanh long ruột trắng LĐ17, LĐ18 (chống chịu đốm nâu và ra hoa sớm); 1 giống nhãn lai LĐ19 (thịt dày, chống chịu bệnh chổi rồng). Viện cũng đưa ra sản xuất gốc ghép bưởi da xanh chịu mặn 6-8 ‰ và gốc ghép xoài chịu mặn tới 10 ‰.

- Giống thủy sản:

+ Cá tra: Hiện nay, diện tích nuôi cá tra hiện nay đạt 6.000 ha, sản lượng đạt 1,4 triệu tấn (năm 2019), nhu cầu giống thả nuôi khoảng 3-4 tỷ con. Giống cá tra chủ yếu là sản xuất trong nước đủ số lượng nhưng giống có chất lượng chỉ đạt khoảng 40-45%, còn lại khoảng 55-60% giống cá tra nuôi chưa kiểm chứng được chất lượng do không kiểm soát được đàn cá tra bố mẹ. Năm 2019, toàn vùng có 230 cơ sở sản xuất cá tra giống, khoảng 4.000 hộ ương cá giống với diện tích khoảng 3.500 ha, tập trung chủ yếu tại Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Cần Thơ, số lượng giống sản xuất được gần 4 tỷ con, trong đó 3 tỷ giống đạt chất lượng, đáp ứng 75% nhu cầu thả nuôi.

+ Tôm nước lợ: Diện tích nuôi tôm nước lợ vùng ĐBSCL hiện có khoảng 669 ngàn ha, chiếm 92,9% diện tích cả nước. Toàn vùng có 1.278 cơ sở sản xuất tôm giống, đáp ứng được 48,3% nhu cầu thả nuôi, số giống còn thiếu được cung cấp từ các tỉnh Nam Trung Bộ; Vùng chưa sản xuất, chọn tạo được tôm giống bố mẹ. Năm 2019, Đồng bằng sông Cửu Long sản xuất ước khoảng 16 tỷ con giống, đáp ứng được 45% nhu cầu thả nuôi, số giống còn lại được nhập từ các vùng khác để thả nuôi.

- Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030, trên cơ sở đó Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp tục nâng cao năng lực nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống

vật nuôi và giống thủy sản theo hướng công nghiệp hiện đại nhằm cung cấp cho sản xuất đủ giống có năng suất, chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu; góp phần thực hiện thành công định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, trong đó có 3 ngành hàng chính là lúa gạo, cây ăn trái và Thủy sản (cá tra, tôm nước lợ). Đối với 03 đối tượng giống chính của vùng phấn đấu đến năm 2025, xác định được bộ giống tốt nhất cho 3 ngành hàng chủ lực này; đến năm 2030, làm chủ nguồn giống trong nước có chất lượng, năng suất, hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu.

5. Về xây dựng các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển thủy sản ĐBSCL theo hướng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn

Bộ đã chỉ đạo các đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách hiện hành, đồng thời ban hành các chương trình, đề án, kế hoạch cụ thể làm định hướng phát triển hiệu quả ngành thủy sản, cụ thể:

- Triển khai Kế hoạch hành động Quốc gia phát triển ngành tôm ban hành kèm theo Quyết định số 79/QĐ-TTg ngày 18/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó đẩy mạnh phát triển nuôi tôm càng xanh với năng suất và chất lượng ổn định, hiệu quả và bền vững, nuôi tôm thẻ chân trắng công nghiệp theo hướng công nghệ cao, tôm sú sinh thái, hữu cơ quy mô lớn (tôm – lúa – rừng) tập trung các khu vực lợi thế là Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bến Tre và Trà Vinh. Đồng thời, Bộ hỗ trợ tỉnh Bạc Liêu để đầu tư dự án Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phát triển tôm Bạc Liêu từ nguồn vốn dự phòng 10% giai đoạn 2016-2020 của Bộ, đến nay dự án đã được Bộ phê duyệt và dự kiến khởi công năm 2021.

- Bộ đã phê duyệt, tổ chức thực hiện Đề án liên kết sản xuất giống cá tra 3 cấp chất lượng cao vùng đồng bằng sông Cửu Long tại Quyết định số 987/QĐ-BNN-TCTS ngày 20/3/2018, tập trung tại tỉnh An Giang, Đồng Tháp. Kết quả thực hiện như sau:

+ Tỉnh An Giang đã khuyến khích, kết nối các bên có liên quan và xây dựng chuỗi liên kết cá tra 3 cấp trên tinh thần tự nguyện, chuỗi liên kết gồm:

Cấp 1: Đơn vị cung cấp cá Tra bố mẹ là Viện Nghiên cứu nuôi trồng Thủy sản II (Viện NCNTTS II).

Cấp 2: Đơn vị sản xuất cá Tra bột là Trung tâm giống thủy sản An Giang và 04 cơ sở sản xuất cá tra bột liên kết với Trung tâm.

Cấp 3 gồm:

Chi hội sản xuất cá giống AFA (30 hội viên ở vùng ương giống huyện Thoại Sơn, Châu Thành, Châu Phú; tổng diện tích 200 ha; năng lực sản xuất: 300 triệu con giống/năm).

Chi hội sản xuất cá giống Châu Phú (16 hội viên ở vùng ương giống huyện Châu Phú; tổng diện tích 36 ha; năng lực sản xuất: 50 triệu con giống/năm);

Chi hội sản xuất cá giống Phú Thuận (8 hội viên ở vùng ương giống tại xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn; tổng diện tích 15 ha; năng lực sản xuất: 20 triệu con giống/năm).

Con giống trong chuỗi được các doanh nghiệp Công ty IDI, Nam Việt, Cửu Long, Lộc Kim Chi, Vĩnh Hoàn, Biển Đông... tiêu thụ trên nguyên tắc thỏa thuận giá mua-bán.

- Đồng thời, Bộ hỗ trợ tỉnh An Giang để đầu tư dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng sản xuất giống cá tra tỉnh An Giang nguồn vốn dự phòng 10% giai đoạn 2016-2020 của Bộ, đến nay dự án đang thực hiện giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

- Bên cạnh đó, UBND tỉnh An Giang đã kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư xây dựng vùng sản xuất giống cá tra trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

+ Vùng 01 tại xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu: Căn cứ Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 04/04/2017 của UBND tỉnh An Giang, Công ty cổ phần cá Tra Việt Úc đã xây dựng vùng ương giống tập trung 100 ha bằng nguồn vốn Công ty. Công ty đã tuyển chọn khoảng 3.500 con cá tra bố mẹ để phục vụ sản xuất giống, xây dựng 18 nhà màng (200m²/nhà) để sản xuất giống thủy sản công nghệ cao. Dự kiến công ty cung cấp giống ra thị trường trong quý 4 năm 2020.

+ Vùng 02 tại huyện Bình Phú: Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 của UBND tỉnh An Giang, công ty TNHH MTV NTTS Nam Việt Bình Phú đã xây dựng 450ha (trên tổng diện tích 600ha) khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao NTTS bằng nguồn vốn công ty. Công ty dự kiến áp dụng công nghệ sản xuất giống của Israel, công nghệ nhà màng, công nghệ xử lý nước, bùn thải, Vaccine, công nghệ 4.0,... vào sản xuất giống cá tra.

+ Vùng 03 tại xã Vĩnh Hòa, thị xã Tân Châu: Căn cứ Quyết định số 819/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang ngày 12/4/2019, Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn đã thi công hệ thống ao ương cá, nuôi vỗ bố mẹ, kêng cấp thoát nước, nhà sản xuất, nhà kho,... trên diện tích 48,3 ha để sản xuất cá hương, cá giống và dự kiến hoàn thành vào cuối năm 2020 bằng nguồn vốn của Công ty.

+ Vùng 04 tại xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú: Căn cứ Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 17/10/2018 của UBND tỉnh An Giang, Công ty TNHH PT Lộc Kim Chi đang khảo sát địa chất, địa hình phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng khu liên hợp sản xuất giống và nuôi cá tra thương phẩm công nghệ cao, quy mô 350 ha cho bằng nguồn vốn của Công ty."

- Bộ đã chỉ đạo triển khai dự án Tái tạo, thả bổ sung giống thủy sản tại một số lưu vực sông và hồ chính giai đoạn 2017-2020 (phê duyệt tại Quyết định số 239/QĐ-TCTS-KHTC ngày 06/3/2017), trong đó, dự kiến thả vào thủy vực sông Vàm Nao nối liền giữa sông Tiền và sông Hậu các giống cá lăng nha, thát lát cườm, cá hô, cá bông lau để tái tạo nguồn lợi, tăng giá trị nghề cá, là loài bản địa trong khu vực.

- Bộ đã chỉ đạo Tổng cục Thủy sản, Tổng cục Thủy lợi và các đơn vị thu

thập thông tin, đánh giá và xây dựng báo cáo thường kỳ (tháng/quý) về ảnh hưởng xâm nhập mặn vùng Đồng bằng sông Cửu Long để có cơ sở chỉ đạo sản xuất, trong đó có nuôi trồng thủy sản.

6. Quản lý rừng bền vững

Để quản lý chặt chẽ diện tích rừng tự nhiên hiện có, đồng thời đầu tư phục hồi, trồng mới rừng ngập mặn, phòng hộ ven biển vùng ĐBSCL, Bộ đang tập trung chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ sau:

- Xây dựng Đề án quản lý và phát triển rừng ngập mặn phục vụ phòng hộ ven biển, ven sông cùng với phát triển sinh kế sinh thái gắn với rừng: Bộ giao Tổng cục Lâm nghiệp Xây dựng “Đề án bảo vệ và phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”, trong đó có Đồng bằng Sông Cửu Long và đã trình Thủ tướng Chính phủ trong Quý IV/2020.

- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên theo đúng tinh thần Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng và quy định tại Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW và quy định của Pháp luật về lâm nghiệp.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp xác định tại Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 06/6/2017; Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và Tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020, trong đó tập trung khôi phục phát triển hệ sinh thái rừng ven biển.

7. Rà soát, xây dựng các cơ chế chính sách

- Thời gian qua, Bộ đã tập trung xây dựng trình cấp có thẩm quyền ban hành đồng bộ các chính sách, văn bản pháp luật gồm 5 Luật, 6 Nghị định của Chính phủ, 3 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và nhiều văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để thực hiện nhiệm vụ được giao tại Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 5/9/2019 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP để hoàn thiện khung chương trình hành động cải cách, chính sách và cơ chế vay tại khoản vay 1,05 tỷ USD để đầu tư hạ tầng cho ĐBSCL.

8. Tình hình đầu tư công giai đoạn 2016-2020, phần vốn Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định đầu tư tại vùng ĐBSCL

a) Tình hình đầu tư công giai đoạn 2016-2020, phần vốn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định đầu tư tại vùng ĐBSCL:

Tổng số vốn đầu tư giai đoạn 2016-2020 khoảng **28.200 tỷ đồng**, chiếm khoảng 29% tổng vốn của Bộ quản lý, trong đó:

Vốn NSNN: 861 tỷ đồng; vốn ODA: 17.766 tỷ đồng; vốn TPCP: 5.877 tỷ đồng; Vốn xử lý cấp bách sạt lở bờ sông: 2.500 tỷ đồng; Vốn dự phòng đầu tư công 2016-2020 của Bộ: 400 tỷ đồng.

b) Một số công trình, dự án lớn, điển hình của Bộ trong giai đoạn trung hạn 2016-2020:

- Vốn ODA: Dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL - WB9 (TMĐT 8.577 tỷ đồng vốn vay WB); Dự án Quản lý nước Bến Tre JiCa3 (TMĐT 6.191 tỷ đồng); Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững VnSat (TMĐT 6.472 tỷ đồng).

- Vốn TPCP: Dự án Hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé giai đoạn 1 (TMĐT là 3.309,5 tỷ); Dự án HTTL Bắc Bến Tre giai đoạn 1 (TMĐT là 2.123 tỷ đồng); HTTL Nam Bến Tre (TMĐT 215,4 tỷ đồng); HTTL tiểu vùng II, III, V Cà Mau (TMĐT là 500 tỷ đồng); Dự án Cống âu thuyền Ninh Quới tỉnh Bạc Liêu (TMĐT là 400 tỷ đồng); Dự án Tha La, cống Trà Sư (TMĐT là 232 tỷ đồng); Dự án Nạo vét kênh Mây Phốp – Ngã Hậu tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh (TMĐT là 458 tỷ đồng); Dự án HTTL trạm bơm cống Xuân Hòa tỉnh Tiền Giang, Long An (TMĐT 250 tỷ đồng).

- Vốn NSNN: HTTL tiểu vùng III - Nam Cà Mau, huyện Trần Văn Thời, Cái Nước (TMĐT 198,88 tỷ đồng); HTTL phục vụ nuôi trồng thủy sản Tầm Vụ Lộ, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (TMĐT 140 tỷ đồng); HTTL phục vụ nuôi trồng thủy sản khu vực Tây đường tránh Long Xuyên, thành phố Long Xuyên tỉnh An Giang (TMĐT 100,6 tỷ đồng); HTTL phục vụ nuôi trồng thủy sản huyện Cao Lãnh, Châu Thành tỉnh Đồng Tháp (TMĐT 94,9 tỷ đồng).

c) Những dự án đã hoàn thành, phát huy hiệu quả đầu tư và những dự án dự kiến hoàn thành ngay trong năm 2020:

Nguồn TPCP:

(1) Dự án Nạo vét kênh Mây Phốp - Ngã Hậu tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh (TMĐT là 458 tỷ đồng);

(2) Dự án HTTL trạm bơm cống Xuân Hòa tỉnh Tiền Giang, Long An (TMĐT 250 tỷ đồng);

(3) Dự án Cống âu thuyền Ninh Quới tỉnh Bạc Liêu (TMĐT là 400 tỷ đồng).

Nguồn NSNN:

(1) HTTL tiểu vùng III - Nam Cà Mau, huyện Trần Văn Thời, Cái Nước (TMĐT 198,88 tỷ đồng).

(2) HTTL phục vụ nuôi trồng thủy sản Tầm Vụ Lộ, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (TMĐT 140 tỷ đồng).

(3) HTTL phục vụ nuôi trồng thủy sản huyện Cao Lãnh, Châu Thành tỉnh Đồng Tháp (TMĐT 94,9 tỷ đồng).

(4) HTTL phục vụ nuôi trồng thủy sản khu vực Tây đường tránh Long Xuyên, thành phố Long Xuyên tỉnh An Giang (TMĐT 100,6 tỷ đồng).

(5) HTTL phục vụ nuôi trồng thủy sản Tân Duyệt Cà Mau (TMĐT 202 tỷ đồng).

(6) Nâng cấp, mở rộng cảng cá Cảng cá Bình Đại tỉnh Bến Tre (TMĐT 120 tỷ đồng).

(7) Nâng cấp, mở rộng cảng cá Trần Đề tỉnh Sóc Trăng (TMĐT 120 tỷ đồng).

(8) Nâng cấp cảng cá Tắc Cậu tỉnh Kiên Giang (TMĐT 98 tỷ đồng).

(9) Nâng cấp, mở rộng cảng cá Gành Hào tỉnh Bạc Liêu (TMĐT 120 tỷ đồng).

Nguồn ODA:

(1) Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững VnSat (TMĐT 6.472 tỷ đồng), thời gian thực hiện - hoàn thành: 2016-2020.

d) Những dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2021:

Nguồn TPCP:

(1) Dự án Hệ thống thủy lợi Cái Lớn - Cái Bé giai đoạn 1 (TMĐT là 3.309,5 tỷ).

(2) Dự án HTTL Bắc Bến Tre giai đoạn 1 (TMĐT là 2.123 tỷ đồng).

(3) HTTL tiểu vùng II, III, V Cà Mau (TMĐT là 500 tỷ đồng).

(4) Dự án Tha La, cống Trà Sư (TMĐT là 232 tỷ đồng).

(5) HTTL Nam Bến Tre (TMĐT 215,4 tỷ đồng).

e) Những dự án hoàn thành sau năm 2021:

Nguồn ODA:

(1) Dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL - WB9 (TMĐT 8.577 tỷ đồng vốn vay WB), thời gian thực hiện - hoàn thành: 2016-2022.

(2) Dự án Quản lý nước Bến Tre JiCa3 (TMĐT 6.191 tỷ đồng), thời gian thực hiện-hoàn thành: 2019-2024.

9. Nhiệm vụ thời gian tới

(1) Tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 417/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết 120 đảm bảo chất lượng và tiến độ đề ra.

(2) Tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 324/QĐ-TTg ngày 02/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đề án Hiện đại hóa thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 12/5/2020; Đề án phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030 tại Quyết định số 957/QĐ-TTg, ngày 6/7/2020.

(3) Ưu tiên bố trí các nguồn lực, nhất là kinh phí cho các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng, thủy lợi, phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển....phục vụ sản xuất nông

nghiệp, ổn định đời sống của nhân dân ĐBSCL trong giai đoạn 2021-2025. Theo đó, sẽ chia làm 3 nhóm dự án để tính toán đầu tư như sau:

- Nhóm 1: Đầu tư các dự án kiểm soát mặn, cấp ngọt phục vụ sản xuất nông nghiệp. Nhóm này có 2 đối tượng gồm: (1) Đầu tư các công trình chuyển nước hợp lý giữa các vùng; (2) Đầu tư hoàn chỉnh, liên thông các hệ thống thủy lợi chủ động kiểm soát mặn, phục vụ chuyển đổi nông nghiệp bền vững theo 3 vùng sản xuất.

- Nhóm 2: Đầu tư hệ thống trữ ngọt, cung cấp nước sinh hoạt, trữ nước hộ gia đình cho người dân khu vực thường xảy ra xâm nhập mặn.

- Nhóm 3: Đầu tư xử lý sạt lở bờ sông và củng cố đê biển.

Nhu cầu đầu tư cho vùng khoảng 41.257 tỷ đồng, trong đó rà soát những nội dung ưu tiên thì đề xuất đầu tư trong nguồn vốn của Bộ khoảng 30.000 tỷ đồng trong giai đoạn 2021-2025.

(4) Triển khai Quyết định 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025, trong đó có Đồng bằng sông Cửu Long.

(5) Triển khai thực các quy hoạch ngành Quốc gia Quy hoạch Lâm nghiệp, Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi Thủy sản, Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi, quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, trong đó có Đồng bằng sông Cửu Long.

(6) Tiếp tục nghiên cứu chọn tạo, phát triển các giống cây trồng, vật nuôi và giống thủy sản có tiềm năng, lợi thế của vùng ĐBSCL, đáp ứng nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời, tổ chức triển khai Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình giống giai đoạn 2021-2030, trong đó chú trọng đầu tư nghiên cứu, chọn tạo giống chủ lực (thủy sản, trái cây, lúa,..) cho vùng ĐBSCL/.

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU LIÊN QUAN ĐẾN NGHỊ QUYẾT 120

1. Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long.
2. Quyết định số 417/QĐ-TTg ngày 13/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động tổng thể thực hiện Nghị quyết 120/NQ-CP ngày.
3. Nghị quyết số 418-NQ/BCSĐ ngày 22/12/2017 của Ban Cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.
4. Quyết định số 816/QĐ-BNN-KH ngày 07/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.
5. Quyết định số 1864/QĐ-BNN-KH ngày 22/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ.
6. Chỉ thị số 23/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu.
7. Quyết định số 825/QĐ-TTg ngày 12/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng điều phối vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2020-2025.
8. Quyết định số 324/QĐ-TTg ngày 02/03/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
9. Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 12/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hiện đại hóa thủy lợi phục vụ chuyển đổi, phát triển nông nghiệp bền vững tại các tiểu vùng sinh thái vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
10. Quyết định số 957/QĐ-TTg ngày 6/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển đến năm 2030.
11. Quyết định số 3588/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về thành lập Tổ giúp việc điều phối Đồng bằng sông Cửu Long của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2020-2025.